

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số 45 /2017/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 9 năm 2017
"V/v Hôn nhân và gia đình"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hồng Tuấn

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Cường

2. Bà Vương Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến G - Sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu 11, xã Đ, huyện T, tỉnh P;

Hiện công tác tại: Kho K87, Cục kỹ thuật, Bộ tư lệnh công binh (Huyện H, tỉnh L).

- Bị đơn: Chị Đào Thị T - Sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu 11, xã Đ, huyện T, tỉnh P;

Hiện đang ở tại: Thôn 4, xã Đ, huyện K, tỉnh H.

Anh G và chị T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn là anh **Nguyễn Tiến G** vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Tiến G yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Đào thị T, cụ thể như sau: Anh và chị Đào Thị T tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã, huyện T đăng ký kết hôn ngày 25/5/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại khu 11 xã Đ. Trong thời gian chung sống, do tính cách, quan điểm bất đồng và cũng do hoàn cảnh công việc nên

vợ chồng sống với nhau không được hòa thuận hạnh phúc dẫn đến mâu thuẫn phát sinh và tình cảm vợ chồng không còn vì vậy anh yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị Đào Thị T.

- Về con chung: Anh và chị T có với nhau 01 con chung là Nguyễn Việt C - Sinh ngày 12/11/2007. Hiện nay con chung đang ở với chị T. Sau khi ly hôn anh đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000.đ.

- Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác anh và chị T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị **Đào Thị T** vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trình bày như sau: Chị và anh Nguyễn Tiến G tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T vào ngày 25/5/2007, sau khi kết hôn chị chuyển khẩu và chính thức về chung sống với anh G và gia đình anh G tại khu 11, xã Đ, huyện T, tỉnh P. Do điều kiện anh G ở trong quân đội, công tác xa nhà nên vợ chồng không có nhiều thời gian gần nhau. Cho đến tháng 3/2017, chị nghe tin anh G có quan hệ với người phụ nữ khác và sau đó thì né tránh không về thăm, cũng không quan tâm đến gia đình. Do cuộc sống chung và tình cảm vợ chồng như vậy nên tháng 5/2017, chị đã đưa con về sống cùng bố mẹ đẻ chị tại thôn 4, xã Đ, huyện K, tỉnh H. Kể từ đó cho đến nay vợ chồng không còn liên hệ gì với nhau nữa. Nay anh G xin ly hôn, chị cho rằng thời gian vợ chồng chung sống không thực sự có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn vì vậy chị cũng yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tiến G.

- Về con chung: Chị xác nhận chị và anh G có với nhau 01 con chung là Nguyễn Việt C - Sinh ngày 12/11/2007 hiện nay đang ở với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau ly hôn và yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác chị xác nhận chị và anh G không có nên không yêu cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc thực hiện các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong giai đoạn hòa giải chuẩn bị xét xử các đương sự đều không yêu cầu Tòa án hòa giải và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

[2]. Về hôn nhân giữa anh Nguyễn Tiến G và chị Đào Thị T thấy rằng: Anh G và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, do vậy hôn nhân giữa G và chị T là hợp pháp. Tuy nhiên, sau khi kết hôn và chung sống do quan điểm, tính cách bất đồng. Ngoài ra một phần cũng do hoàn cảnh công việc nên vợ chồng không thường xuyên ở gần nhau, không có nhiều thời gian quan tâm chăm sóc và không có sự thông cảm đối với nhau, là nguyên nhân dẫn đến sự rạn nứt về tình cảm vợ chồng. Cho đến nay vợ chồng đã không còn sống chung, cũng không còn có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau. Xét cuộc hôn nhân này đến nay không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của anh G và chị T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Nguyễn Tiến G và chị Đào Thị T đều xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Việt C: Sinh ngày 12/11/2007, hiện nay đang ở với chị T. Cả hai bên đều thống nhất sau khi ly hôn chị T sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Xét về điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay thì anh G là bộ đội xa nhà, con chung từ trước đến nay vẫn là do chị T trực tiếp chăm sóc và con chung có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ vì vậy, để đảm bảo cho việc chăm sóc cũng như quyền lợi và sự phát triển toàn diện của con chung nên giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc con chung sau khi ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh G và chị T đều thống nhất anh G sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn mỗi tháng 2.000.000đ. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên được chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác anh G và chị T xác nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Tiến G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã xác định trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên cũng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn của các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho anh **Nguyễn Tiến G** và chị **Đào Thị T** được ly hôn.

- Về con chung: Giao cho chị **Đào Thị T** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là **Nguyễn Việt C** - Sinh ngày 12/11/2007. Anh **Nguyễn Tiến G** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **Đào Thị T** mỗi tháng là **2.000.000.đ** (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10/2017 cho đến khi con chung trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác không có nên không giải quyết.

- Về án phí: Anh **Nguyễn Tiến G** phải nộp 300.000.đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, tổng là **600.000.đ** (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí. Xác nhận anh **Nguyễn Tiến G** đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba theo biên lai thu số AA/2015/0003913 ngày 05/7/2017.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hồng Tuấn